

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 04-8-2022.

“V/v tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Thanh Cao;

2. Ông Nguyễn Duy Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022, “V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 21/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 516/2022/QĐST-DS ngày 11/7/2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 31/TB-TA ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Kim H, sinh năm 1990 – Là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp 360.

Địa chỉ: Số nhà 156, ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Th, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Trịnh Kim H: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 57, khóm 3, thị trấn Lai V, huyện Lai Vung, Đồng Tháp. Là người đại theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 14/02/2022.

- Bị đơn: Anh Đinh Quốc V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 357C/4, ấp Long H, xã Long H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trịnh Kim H là anh Lê Hữu T trình bày:

Cửa hàng vật tư nông nghiệp 360 do chị H là người đại diện hợp pháp có thực hiện việc mua bán vật tư nông nghiệp (cụ thể là phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) với anh Đinh Quốc V trong khoảng thời gian từ ngày 19/6/2020 đến ngày 18/4/2021. Trong quá trình mua bán, do đặc thù về hình dạng, kích thước của phân, thuốc bảo vệ thực vật là những vật nhỏ, gọn dễ di chuyển nên anh V tự chở từ cửa hàng về nhà. Vì vậy việc mua bán chỉ có chị H và anh V thực hiện, không có người chứng kiến hay người vận chuyển, chị H có xuất hóa đơn bán lẻ và ghi công nợ (có chữ ký xác nhận của anh V) đối với số tiền anh V đã nợ tại cửa hàng theo bảng chi tiết công nợ từ ngày 20/02/2021 đến ngày 18/4/2021 cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Từ ngày 19/6/2020 đến ngày 20/01/2021, anh V đã mua thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng vật tư nông nghiệp 360 với công nợ là 129.889.000 đồng. Chị H và anh V thỏa thuận công nợ của năm 2020 sẽ chốt vào năm 2021 cụ thể là ngày 20/02/2021. Vì vậy ngày 20/02/2021, anh V đã thanh toán trước 20.000.000 đồng, còn nợ lại 109.889.000 đồng anh V hẹn sẽ thanh toán hết và thuyết phục chị H tiếp tục bán thuốc bảo vệ thực vật cho anh V. Để giữ mối quan hệ làm ăn lâu dài, tạo điều kiện cho anh V canh tác và thu hồi vốn nên chị H đã đồng ý cho anh V được tiếp tục nợ tiền và tiếp tục bán thuốc bảo vệ thực vật cho anh V. Lần thứ hai: Từ ngày 20/02/2021 đến ngày 18/4/2021, anh V tiếp tục đến cửa hàng của chị H mua thêm thuốc bảo vệ thực vật với công nợ là 77.656.840 đồng.

Chị H đã nhiều lần yêu cầu anh V thanh toán số công nợ của năm 2020. Do đó, ngày 03/6/2021 anh V đã ký bảng xác nhận nợ đối với công nợ lần thứ nhất là 109.889.000 đồng, trong đó anh V đồng ý chịu lãi suất quá hạn của phần công nợ nêu trên với mức lãi suất quá hạn là 1%/tháng tính từ ngày 20/02/2021. Ngoài ra, anh V hẹn sẽ trả toàn bộ công nợ số tiền 187.545.840 đồng trước tết âm lịch năm 2022. Tuy nhiên, anh V vẫn không thanh toán tiền nợ mặc dù chị H đã nhiều lần điện thoại và gửi thông báo nhắc nợ vào ngày 18/01/2022 nhưng anh V vẫn không phản hồi lại. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đinh Quốc V trả nợ số tiền mua thuốc bảo vệ thực vật là 187.545.840 đồng và tiền lãi quá hạn của số tiền 109.889.000 đồng, mức lãi suất 1%/tháng tạm tính từ ngày 20/02/2021 đến ngày 07/02/2022 với số tiền lãi là 12.637.235 đồng, tổng cộng là

200.183.000 đồng (hai trăm triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Tại phiên tòa, anh Tín đại diện theo ủy quyền của chị H trình bày: Chị H yêu cầu anh Đinh Quốc V trả nợ số tiền mua thuốc bảo vệ thực vật là 187.545.840 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi nghìn đồng), tiền lãi của số tiền nợ 109.889.000 đồng tính từ ngày ngày 20/02/2021 đến ngày 04/8/2022 là 17 tháng 15 ngày, mức lãi suất 0,83%/tháng = $109.889.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 15.961.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 203.506.840 đồng. Chị H không yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc 77.656.840 đồng.

Bị đơn Đinh Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản ý kiến, phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 13/7/2022, Tòa án đến nơi anh V cư trú để ghi lời khai của anh Đinh Quốc V đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh V vắng mặt tại thời điểm nêu trên.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ mua bán thuốc bảo vệ thực vật và tiền lãi theo biên nhận xác nhận nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Đinh Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Đinh Quốc V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện trả số tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của chị Trịnh Kim H đối với anh Đinh Quốc V:

Căn cứ vào Bảng chi tiết nợ từ ngày 21/01/2021 đến ngày 22/5/2021 được đánh máy có nội dung thể hiện số tiền còn nợ tính đến ngày 18/4/2021 là 77.656.840 đồng; Bảng chi tiết nợ từ ngày 20/02/2021 đến ngày 18/4/2021 được đánh máy có nội dung thể hiện số tiền còn nợ tính đến ngày 30/3/2021 là 183.545.840 đồng; Giấy xác nhận nợ ngày 03/6/2021 được đánh máy và viết tay có nội dung thể hiện tính đến ngày 03/6/2021 Bên B là Đinh Quốc V nợ Bên A là Trịnh Kim H – Cửa hàng Vật tư nông nghiệp 360 tổng số tiền 113.149.040 đồng. Các chứng cứ nêu trên có chữ ký và ghi họ tên Đinh Quốc V được nguyên đơn chị Trịnh Kim H cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và đã được Tòa án sao chụp kèm theo thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tổng đạt cho bị đơn anh Đinh Quốc V.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 19/6/2020 đến ngày 20/01/2021, anh Đinh Quốc V đã mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại Cửa hàng vật tư nông nghiệp 360 do chị Trịnh Kim H làm chủ với công nợ là 129.889.000 đồng. Ngày 20/02/2021, anh V đã thanh toán trước 20.000.000 đồng, còn nợ lại 109.889.000 đồng. Đến ngày 03/6/2021, anh V đã ký xác nhận nợ số tiền 113.149.040 đồng (theo như trình bày của nguyên đơn gồm 109.889.000 đồng tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chưa thanh toán và 3.260.040 đồng tiền lãi tính từ ngày 20/02/2021 đến ngày 03/6/2021). Ngày 20/02/2021 sau khi chốt công nợ của năm 2020 xong, anh V tiếp tục mua thêm vật tư nông nghiệp và số tiền nợ anh V đã xác nhận công nợ lần thứ hai tính từ ngày 20/02/2021 đến ngày 18/4/2021 là 77.656.840 đồng. Ngày 22/5/2021, anh V đã ký nhận xác nhận còn nợ số tiền là 77.656.840 đồng với chị Trịnh Kim H.

Ngày 18/4/2021, anh V đã ký xác nhận nợ tiền mua thuốc bảo vệ thực vật của chị H theo bảng chi tiết nợ liệt kê đến ngày 30/3/2021 với tổng số tiền 183.545.840 đồng. Sau khi ký xác nhận công nợ xong ngày 18/4/2021, anh V tiếp tục mua thuốc bảo vệ thực vật Ridoxanil 800WP gói 1kg (Hoàng Nông) số lượng 08 gói, đơn giá 350.000 đồng/gói, thành tiền là 2.800.000 đồng; ABA Thai 1.8EC chai 480ml (Dopesco), đơn giá 60.000 đồng/chai, số lượng 20 chai, thành tiền

1.200.000 đồng, tổng cộng là 4.000.000 đồng. Số tiền nợ 4.000.000 đồng anh V mua vào ngày 18/4/2022 được anh V ký xác nhận nợ trong bảng chi tiết nợ số tiền 77.656.840 đồng ngày 22/5/2021.

Như vậy tổng cộng số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật anh V chưa thanh toán cho chị Trịnh Kim H là 109.889.000 đồng + 77.656.840 đồng = 187.545.840 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Ngày 13/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã đến địa chỉ nơi anh Đinh Quốc V cư trú để ghi lời khai của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trịnh Kim H nhưng anh V vắng mặt. Tuy nhiên, Tòa án có làm việc với chị Nguyễn Thị Ngọc Y là vợ sống cùng địa chỉ cư trú với anh V. Chị Y xác nhận là chị Y có ký tên, nhận và giao lại anh V các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh V. Anh V có biết việc khởi kiện của nguyên đơn đối với anh V nhưng anh V không có văn bản ý kiến, phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền phản bác của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án, có đủ cơ sở để xác định anh Đinh Quốc V nợ tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của chị Trịnh Kim H – Chủ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp 360 số tiền 187.545.840 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Do đó yêu cầu khởi kiện của Trịnh Kim H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện trả tiền lãi của chị Trịnh Kim H đối với anh Đinh Quốc V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thời điểm chị H và anh V thực hiện việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không có thỏa thuận về mức lãi suất do bên có nghĩa vụ chậm trả tiền. Tuy nhiên, ngày 03/6/2021, chị H và anh V có xác lập giấy xác nhận nợ thể hiện lãi suất quá hạn là 1%/tháng nhưng không ghi rõ mức lãi suất này thỏa thuận thực hiện cho công nợ nào. Tại phiên tòa, anh Tín là người đại diện hợp pháp của chị H điều chỉnh mức lãi suất là 0,83%/tháng và yêu cầu anh V trả tiền lãi của số tiền nợ 109.889.000 đồng, tính từ ngày được chốt công nợ vào ngày 20/02/2022 đến ngày 04/8/2022 với số tiền lãi là 15.961.000 đồng. Chị H không yêu cầu anh V trả tiền lãi đối với số tiền nợ 77.656.840 đồng chốt công nợ vào ngày 22/5/2021.

Anh Đinh Quốc V đã mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị Trịnh Kim H – Chủ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp 360 số tiền 187.545.840 đồng nên anh V phải có trách nhiệm trả tiền lãi của số tiền 187.545.840 đồng cho chị H. Tuy nhiên, chị H chỉ yêu cầu anh V trả tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 109.889.000 đồng theo thỏa thuận của chị H và anh V là có lợi cho anh V và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357,

khoản 2 Điều 440, Điều khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Tiền lãi từ ngày 20/02/2021 đến ngày 04/8/2022 được tính cụ thể như sau: $109.889.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 15.961.000 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng cộng tiền nợ gốc chưa thanh toán và tiền lãi anh Đinh Quốc V phải trả cho chị Trịnh Kim H là: $187.545.840 \text{ đồng} + 15.961.000 \text{ đồng} = 203.506.840 \text{ đồng}$ (*Hai trăm lẻ ba triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Đinh Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét lời phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Trịnh Kim H – Chủ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp 360.

Buộc anh Đinh Quốc V phải trả cho chị Trịnh Kim H số tiền nợ gốc 187.545.840 đồng và tiền lãi 15.961.000 đồng, tổng cộng là 203.506.840 đồng (*Hai trăm lẻ ba triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Chị Trịnh Kim H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị H còn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.005.000 đồng (*Năm triệu, không trăm lẻ năm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005960 ngày 01/3/2022 và số 0005964 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Đinh Quốc V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.175.000 đồng (*Mười triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) (chưa nộp).

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/8/2022). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng